

Số: 17/2025/QĐST-HNGĐ

Cẩm Lệ, ngày 24 tháng 01 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ – THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ vào các điều 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 và Điều 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 08/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2025 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Ông Trần Văn T, sinh năm 1990. Địa chỉ: Tổ G Q, xã H, huyện H, TP .

2. Bà Trần Thị N, sinh năm 1996. Địa chỉ: Số D đường P, phường H, quận C, Tp Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn T và bà Trần Thị N kết hôn năm vào năm 2020, tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Quá trình chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết được, bất đồng trong cách sống, thường xuyên cãi vã nhau, không hòa hợp trong cách sống, anh C có quan hệ bên ngoài và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được, hôn nhân không hạnh phúc, không thể kéo dài được cuộc sống chung. Nay bà Trần Thị N và ông Trần Văn T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống, nên cùng yêu cầu Tòa án công nhận cho ông bà được thuận tình ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà Trần Thị N và ông Trần Văn T đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cả hai tự nguyện thuận tình ly hôn. Do vậy, công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị N và ông Trần Văn T là phù hợp quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về quan hệ con chung: Bà Trần Thị N và ông Trần Văn T có 01 con chung tên Trần Khánh N1, sinh ngày 15/11/2020. Ly hôn, ông T và bà N thống nhất thỏa thuận giao con chung cho bà Trần Thị N là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Trần Văn T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng vào ngày 20 hằng tháng, bắt đầu từ tháng 01/2025.

Xét thấy sự thỏa thuận của bà N và ông T là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên công nhận.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị N và ông Trần Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Lệ phí Tòa án: Bà Trần Thị N và ông Trần Văn T mỗi người chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị N và ông Trần Văn T thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 06/2021 đăng ký ngày 08/01/2021 của UBND xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam)

- Về con chung: Giao con chung tên Trần Khánh N1, sinh ngày 15/11/2020 cho bà Trần Thị N là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Trần Văn T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng vào ngày 20 hằng tháng, bắt đầu từ tháng 01/2025.

Sau khi ly hôn, bên không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung vẫn có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai ược quyền cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên đương sự có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người có nghĩa vụ thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì còn phải chịu khoản lãi theo mức lãi suất thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán.

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Trần Thị N và ông Trần Văn T mỗi người chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) ông T và bà N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ theo biên lai thu số 0009458 ngày 07/01/2025, bà Trần Thị N và ông Trần Văn T đã nộp đủ lệ phí Tòa án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKSND quận Cẩm Lệ;*
- *Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;*
- *UBND phường Hòa Thọ Đông, quận Cẩm Lệ;*
- *UBND xã Tam Xuân II*
- *Lưu hồ sơ.*

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Bàng